Biểu 10/CH

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 HUYỆN THĂNG BÌNH

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	TỔNG CỘNG (209 danh mục)	**941,49**	**43,74**	**897,75**	**70,71**	**47,57**	**198,07**	**44,98**	**43,25**	**73,76**	**32,48**	**64,11**	**4,85**	**0,55**	**0,57**	**3,05**	**1,35**	**2,72**	**3,03**	**43,88**	**7,74**	**0,75**	**0,15**	**0,32**	**18,22**	**176,49**	**0,27**	**58,82**	**0,06**								
A	**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT (=I+2.1)**	**825,31**	**11,14**	**814,17**	**52,86**	**47,26**	**184,93**	**33,18**	**28,79**	**63,60**	**32,48**	**63,77**	**4,17**	**0,55**	**0,57**	**2,96**	**1,35**	**2,02**	**3,03**	**42,34**	**7,49**	**0,75**	**0,14**	**0,32**	**18,13**	**175,01**	**0,27**	**48,20**									
I	**Công trình dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**	**475,83**	**6,71**	**469,12**	**22,53**	**0,29**	**80,51**	**21,44**	**25,40**	**28,22**	**30,84**	**13,11**		**0,50**	**0,57**	**0,31**	**0,18**	**0,18**		**31,41**	**5,09**		**0,06**	**0,01**	**4,30**	**174,74**		**29,43**									
1.1	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**	**13,50**		**13,50**	**0,18**		**0,36**	**0,15**		**10,70**		**0,03**		**0,50**		**0,31**	**0,18**	**0,15**					**0,06**		**0,20**	**0,04**		**0,64**									
CAN	**Đất an ninh**	**2,14**		**2,14**	**0,18**		**0,15**							**0,45**		**0,21**	**0,18**	**0,15**					**0,06**		**0,20**	**0,02**		**0,54**									
1	Trụ sở Công an xã Bình An	0,12		0,12										0,12																Bình An	Nằm trong khuôn viên UBND xã Bình An	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
2	Trụ sở công an xã Bình Đào	0,12		0,12																						**0,02**		0,10		Bình Đào	Thửa số: 63,64,96,97 tờ bản đồ số: 13	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ năm 2024
3	Trụ sở Công an xã Bình Dương	0,10		0,10										0,10																Bình Dương	Tờ bản đồ số 18	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công 2023				
4	Trụ sở Công an xã Bình Giang	0,10		0,10										0,10																Bình Giang	Thửa 236, tờ BĐ 48	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ năm 2024
5	Trụ sở Công an xã Bình Hải	0,06		0,06																			**0,06**							Bình Hải	Thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 13	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
6	Trụ sở công an xã Bình Lãnh	0,14		0,14			0,04																					0,10		Bình Lãnh	Thửa 910, 970 tờ bản đồ số 6	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về quyết định chủ trương đầu	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ năm 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																tư công trình Trụ sở công an xã năm 2024				
7	Trụ sở Công an xã Bình Minh	0,07		0,07																								0,07		Bình Minh	Thửa 69 tờ 10	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
8	Trụ sở công an xã Bình Nam	0,20		0,20																					0,20					Bình Nam		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về quyết định chủ trương đầu tư công trình Trụ sở công an xã năm 2024	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ năm 2024
9	Trụ sở Công an xã Bình Nguyên	0,09		0,09												0,09														Bình Nguyên	Thửa 1180a và 1180b, tờ bản đồ số 05	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
10	Trụ sở Công an xã Bình Phục	0,07		0,07												0,07														Bình Phục	thuộc thửa 134, tờ bản đồ số 34	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam				
11	Trụ sở Công an xã Bình Quế	0,04		0,04										0,04																Bình Quế	Nằm trong khuôn viên UBND xã Bình Quế	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
12	Trụ sở công an xã Bình Quý	0,11		0,11												0,05												0,06		Bình Quý	Tờ 12	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
13	Trụ sở công an xã Bình Sa	0,09		0,09										0,09																Bình Sa	Tờ bản đồ số 38, thửa số 01	UBND huyện	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện và tỉnh			Đăng ký mới 2025
14	Trụ sở công an xã Bình Trị	0,10		0,10													0,10													Bình Trị	thửa số 292, tờ bản đồ số 06	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về quyết định chủ trương đầu tư công trình Trụ sở công an xã năm 2024				
15	Trụ sở công an xã Bình Triều	0,08		0,08													0,08													Bình Triều		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện và tỉnh			Chuyển tiếp từ năm 2024
16	Trụ sở Công an xã Bình Trung	0,21		0,21																								0,21		Bình Trung	Tờ bản đồ số: 19, thửa số: 623	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
17	Trụ sở công an xã Bình Tú	0,15		0,15														0,15												Bình Tú	thửa 385, 405 tờ 17	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi bổ sung điều 01 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện và tỉnh		NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
18	Trụ sở Công an thị trấn Hà Lam	0,29		0,29	0,18		0,11																							Thị trấn Hà Lam			Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công			NQ 24/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	Bổ sung CMĐ 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																trình Trụ sở Công an thị trấn Hà Lam tại thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình; QĐ 325/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của UBND huyện Thăng Bình; QĐ 175/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện Thăng Bình; QĐ 1612/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBDN huyện Thăng Bình.					
CQP	**Đất quốc phòng**	**11,36**		**11,36**			**0,21**	**0,15**		**10,70**		**0,03**		**0,05**		**0,10**										**0,02**		**0,10**								
19	Nhà làm việc Ban CH Quân sự xã	0,12		0,12																						**0,02**		0,10		Bình Đào	Thửa số: 63,64,96,97 tờ bản đồ số: 13		CV số 2865/BCH-TM của BCHQS tỉnh Quảng Nam ngày 25/7/2024 vv tham mưu UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phối hợp với các Ban, ngành có liên quan khảo sát, quy hoạch đất xây dựng trụ sở làm việc BCHQS cấp xã; ; Thông báo số 367/TB-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về triển khai Kết luận của chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương xây dựng Đề án trụ sở làm việc Ban CHQS cấp xã giai đoạn 2023-2035				Chuyển tiếp từ năm 2024
20	Nhà làm việc Ban CH Quân sự xã	0,05		0,05										0,05																Bình Giang	Thửa 236, Tờ bản đồ số 48		CV số 2865/BCH-TM của BCHQS tỉnh Quảng Nam ngày 25/7/2024 vv tham mưu UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phối hợp với các Ban, ngành có liên quan khảo sát, quy hoạch đất xây dựng trụ sở làm việc BCHQS cấp xã; ; Thông báo số 367/TB-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh				Chuyển tiếp từ năm 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																Quảng Nam về triển khai Kết luận của chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương xây dựng Đề án trụ sở làm việc Ban CHQS cấp xã giai đoạn 2023-2035				
21	Nhà làm việc Ban CH Quân sự xã	0,10		0,10												0,10														Bình Quý	Tờ bản đồ số 1		CV số 2865/BCH-TM của BCHQS tỉnh Quảng Nam ngày 25/7/2024 vv tham mưu UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phối hợp với các Ban, ngành có liên quan khảo sát, quy hoạch đất xây dựng trụ sở làm việc BCHQS cấp xã; NQ 27/NQ-HĐND ngày 9/7/2021 của HĐND huyện Thăng Bình	Ngân sách nhà nước			Chuyển tiếp từ năm 2024
22	Thu hồi đất hộ gia đình bàn giao cho BCHQS tỉnh	0,24		0,24			0,21					0,03																		Bình Phục			Văn bản 2925/BQP-TM ngày 25/7/2024 của Bộ quốc phòng vv đề nghị chuyển giao một phần diện tích đất quốc phòng để thực hiệnDự án thành phần 2 Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn nối với Quốc lộ 14H				Đăng ký mới 2025
23	Trường bắn, thao trường huấn luyện của BCH quân sự huyện Thăng Bình tại Đồi 42	10,70		10,70						10,7																				Thị trấn Hà Lam			Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND huyện Thăng Bình về thống nhất danh mục công trình khởi công mới năm 2025				Đăng ký mới 2025
24	Nhà làm việc BCH Quân sự xã	0,15		0,15				0,15																						Bình Quế	Thửa 951 tờ bản đồ số 6	UBND huyện	CV số 2865/BCH-TM của BCHQS tỉnh Quảng Nam ngày 25/7/2024 vv tham mưu UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phối hợp với các Ban, ngành có liên quan khảo sát, quy hoạch đất xây dựng trụ sở làm việc				Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																BCHQS cấp xã; văn bản 1946/UBND-QS ngày 15/10/2022 vv triển khai kết luận của chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương xây dựng Đề án trụ sở làm việc BCHQS cấp xã 2023 - 2025				
1.2	**Công trình dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**	**462,33**	**6,71**	**455,62**	**22,35**	**0,29**	**80,15**	**21,29**	**25,40**	**17,52**	**30,84**	**13,08**			**0,57**			**0,03**		**31,41**	**5,09**			**0,01**	**4,10**	**174,70**		**28,79**								
SKK	**Đất khu công nghiệp**	**139,62**		**139,62**	**0,08**	**0,21**	**59,16**	**9,41**	**9,49**	**16,79**		**0,14**								**14,93**	**3,10**				**0,31**			**26,00**								
25	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Tam Thăng 2	0,11		0,11			0,09																					0,02		Bình Nam		Công ty cổ phần Capella Quảng Nam	Văn bản số 425/TTg-CN về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án KCN Tam Thăng 2; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án mã số 4508463245 do Ban quản lý KKT mở Chu Lai cấp cho Công ty cổ phần Capella Quảng Nam.	Doanh nghiệp			Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
26	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Tam Thăng mở rộng	139,51		139,51	0,08	0,21	59,07	9,41	9,49	16,79		0,14								14,93	3,10				0,31			25,98		Bình Nam	Các tờ bản đồ: 38, 39, 43, 44 và 49	Công ty TNHH phát triển hạ tầng KCN Chu Lai	Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 24/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng, tỉnh Quảng Nam; Giấy chứng nhận đầu tư số 1111188580; QĐ 190/QĐ-KKTCN ngày 26/10/2023; Thông báo 148-TB/TU ngày 15/4/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam Thông báo kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng; - Công văn số 2278/UBND-	Công ty TNHH phát triển hạ tầng KCN Chu Lai	QĐ 2309/QĐ-UBND 12/8/2021 QĐ Phê duyệt bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2021 và phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các huyện, thị xã, thành phố: Nông Sơn, Đại Lộc, Tây Giang, Tiên Phước, Thăng Bình, Phú Ninh, Duy Xuyên, Núi Thành, Nam Giang, Đông Giang, Quế Sơn, Hiệp Đức, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ		danh mục công trình được Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, chuyển tiếp năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																KTN ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc đầu tư dự án ĐTXD&KD kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng;				
DGT	**Đất giao thông**	**318,99**	**6,71**	**312,28**	**20,35**	**0,05**	**20,92**	**11,86**	**15,91**	**0,73**	**30,84**	**12,94**			**0,57**			**0,03**		**15,30**	**1,53**			**0,01**	**3,78**	**174,68**		**2,78**									
27	Dự án Đầu tư xây dựng Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam	6,45		6,45	2,41		0,77	0,98			1,51	0,78																		Bình Nam		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ 1143/QĐ-TTg ngày 27/6/2016; Theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 5511/UBNDKTN ngày 17/8/2023 thống nhất chủ thực hiện bồi thường, GPMB, tái định cư dự án Liên kết vùng miền Trung đoạn qua huyện Thăng Bình với quy mô mặt cắt đường 34m; đảm bảo phù hợp với hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ- TTg ngày 13/12/2018; QĐ 1246/QĐ-UBND 17/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự án; 'Thông báo số 547/TB-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hồng Quang tại buổi kiểm tra tình hình thực hiện bồi thường, GPMB, tái định cư dự án Liên kết vùng miền Trung và các hạng mục công trình Cầu Sông Trường, Cầu Nước Oa, huyện Bắc Trà My	Vốn vay ODA từ Quỹ hợp tác phát triển kinh tế của Hàn Quốc (EDCF) và vốn ngân sách Nhà nước		NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 tăng diện tích vì thực hiện mặt cắt đường 34m
28	Dự án Phát triển tích hợp thích	39,47		39,47	0,20				0,40		2,60									1,00						**35,27**				Bình Giang		Ban QLDA ĐTXD	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	ứng tỉnh Quảng Nam: Nạo vét Sông Trường Giang																														các CTGT tỉnh Quảng Nam	của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
29		28,18		28,18	1,19			0,63		0,07	0,62	0,20								1,00						**24,47**				Bình Dương		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																	ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
30		9,99		9,99	0,47							0,23								1,00						**8,29**				Bình Triều		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																	đối với các hạng mục được cấp phát.			
31		46,11		46,11	2,90		4,88	1,04	4,10	0,61	3,30	6,05								1,00					0,37	**21,86**				Bình Đào		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			Đăng ký mới 2025
32		44,47		44,47	0,30						12,19	0,90								1,00						**30,08**				Bình Sa		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																14/3/2024	đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
33		29,47		29,47	0,10						2,98	1,10								1,00						**24,29**				Bình Hải		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																								Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS							
																																phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
34		37,40		37,40	0,15						6,61									1,00						**29,64**				Bình Nam		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			Đăng ký mới 2025
35	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam: Cầu Bình Dương	1,00		1,00	0,10		0,16				0,01	0,03								0,70										Bình Dương		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
36		1,19		1,19	0,13						0,05	0,02								0,99										Bình Giang		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																	14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
37	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam: Cầu Hưng Mỹ	2,93		2,93	1,07				0,52			0,18								0,59					0,57					Bình Đào		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			Đăng ký mới 2025
38		1,74		1,74	1,05						0,12	0,05								0,27					0,25					Bình Sa		Ban QLDA ĐTXD các	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																															CTGT tỉnh Quảng Nam	Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
39		0,90		0,90	0,15		0,08	0,15				0,17								0,35										Bình Triều		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																								Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS							
																																ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các hạng mục được cấp phát.			
40	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam: Cầu Bình Nam	3,69		3,69	1,12		0,23				0,81	0,24								1,29										Bình Nam		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 29/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam", vay vốn WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Vốn vay ODA: Ngân sách Nhà nước cấp phát 30% (551,551 tỷ đồng, tương đương khoảng 22,97 triệu USD); tỉnh Quảng Nam vay lại 70% (1.286,951 tỷ đồng, tương đương 53,60 triệu USD). - Vốn đối ứng: tỉnh Quảng Nam tự cân đối bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh đối với phần vốn đối ứng tương ứng các hạng mục vay lại; theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đối với các			Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																	hạng mục được cấp phát.			
41	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E đoạn Km15+ 270 – Km89+ 700	11,45		11,45	0,85			5,26				1,08								4,11						**0,12**		0,03		Bình Lãnh; Bình Trị; Bình Định Bắc; Bình Quý		BQL dự án 4 - Tổng cục đường bộ VN	Quyết định số 1531/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E đoạn Km15+270 – Km89+700, tỉnh Quảng Nam	Ngân sách TW	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34 ngày 20/7/2022	NQ 31 ngày 20/7/2022	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
42	Dự án thành phần 2 Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn nối với Quốc lộ 14H và Quốc lộ 1A thuộc dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công)	54,55	6,71	47,84	8,16	0,05	14,80	3,80	10,89	0,05	0,04	1,91			0,57			0,03			1,53			0,01	2,59	**0,66**		2,75		Bình Sa; Bình Trung; Bình Tú; Bình Triều; Bình Phục; Bình Giang	Dọc theo xã gồm nhiều tờ bản đồ	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Nam số 56/NQ-HĐND ngày 02/11/2020, số 22/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 về việc quyết định và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công); UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tại Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
LUA	**Đất trồng lúa**	**3,72**		**3,72**	**1,92**	**0,03**	**0,07**	**0,02**												**1,18**	**0,46**				**0,01**	**0,02**		**0,01**									
43	Phát triển vùng sản xuất hạt giống lúa lai tại tỉnh Quảng Nam	3,72		3,72	1,92	0,03	0,07	0,02												1,18	0,46				0,01	**0,02**		0,01		Bình Tú	N19 (X: 1.736.298,679; Y: 567.410,200) N1 (X: 1.735492,594; Y: 566.678,148) N4 (X: 1.735.189,570; Y: 566.793,564) N20BS (X: 1.735.185,151; Y: 567.204,701) N12 (X: 1.735.491,548; Y: 567.608,663) N12D (X: 1.735.407,680; Y: 567.603,992) N12C (DAUN8) (X: 1.735.227,560; Y: 567.430,772) N18 (X: 1.735.836,714; Y: 567.642,879) CUOI N18-2-1	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	NQ 11/NQ-HĐND ngày 23/4/2024 của HĐND tỉnh Về điều chỉnh chủ trương đầu tư 04 dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết 19/NQ-HĐND 3/10/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam quyết định chủ trương 1 số dự án nhóm B, nhóm C trọng điểm; QĐ ghi vốn 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	Ngân sách nhà nước	NQ 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 24/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; NQ 73 ngày 8/12/2020	Đăng ký thực hiện chuyển đổi tượng quản lý, không chu chuyển, chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																														(X: 1.736.210,003; Y: 567.575,339) N19 (X: 1.736.298,679; Y: 567.410,200) N1 (X: 1.735492,594; Y: 566.678,148) N4 (X: 1.735.189,570; Y: 566.793,564) N20BS (X: 1.735.185,151; Y: 567.204,701) N12 (X: 1.735.491,548; Y: 567.608,663) N12D (X: 1.735.407,680; Y: 567.603,992) N12C (DAUN8) (X: 1.735.227,560; Y: 567.430,772) N18 (X: 1.735.836,714; Y: 567.642,879) CUOI N18-2-1 (X: 1.736.210,003; Y: 567.575,339)							
II	**Công trình, dự án cấp huyện**	**465,66**	**37,03**	**428,63**	**48,18**	**47,28**	**117,56**	**23,54**	**17,85**	**45,54**	**1,64**	**51,00**	**4,85**	**0,05**		**2,74**	**1,17**	**2,54**	**3,03**	**12,47**	**2,65**	**0,75**	**0,09**	**0,31**	**13,92**	**1,75**	**0,27**	**29,39**	**0,06**								
2.1	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**	**349,48**	**4,43**	**345,05**	**30,33**	**46,97**	**104,42**	**11,74**	**3,39**	**35,38**	**1,64**	**50,66**	**4,17**	**0,05**		**2,65**	**1,17**	**1,84**	**3,03**	**10,93**	**2,40**	**0,75**	**0,08**	**0,31**	**13,83**	**0,27**	**0,27**	**18,77**									
2.1.1	**Sử dụng vốn ngân sách nhà nước**	**127,77**	**4,43**	**123,34**	**29,17**	**0,47**	**27,74**	**6,18**	**3,39**	**21,90**	**1,56**	**2,79**	**4,17**	**0,05**		**2,27**		**0,17**		**2,78**	**1,49**	**0,16**			**5,49**	**0,18**	**0,27**	**13,11**									
DGT	**Đất giao thông**	**37,48**	**4,32**	**33,16**	**5,10**	**0,43**	**5,29**	**4,60**	**0,70**	**3,55**	**1,42**	**2,69**	**4,03**							**1,45**	**0,43**				**1,83**	**0,11**		**1,53**									
44	Đường dẫn cầu Cửa Đại	3,50		3,50			0,50	1,14		1,86																				Bình Dương	Tờ bản đồ 21, 22, 23 (NĐ 64)	BQL khu KTM Chu Lai	QĐ 2337/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách tỉnh, BQL Khu KTM Chu Lai	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
45	Đường nối từ đường Võ	1,30		1,30								1,00																0,30		Bình Dương	Tờ bản đồ 20 (CSDL), tờ bản	Ban Quản lý	QĐ số 85/QĐ-KTM ngày	UBND tỉnh	NQ 53/NQ-HĐND ngày		Chuyển tiếp từ 2019,

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	Chí Công đến khu TĐC ven biển Bình Dương																													đồ 24 (NĐ 64)	dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	10/5/2017 của Ban quản lý Khu KTM Vv phê duyệt điều chỉnh dự án		8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		2020, 2021, 2022, 2023, 2024
46	Tuyến đường giao thông từ ĐT 613 đi biển Tân An	0,58		0,58				0,58																						Bình Minh	Tờ 25, 26, 27	UBND xã	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022	Ngân sách nhà nước	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
47	Cầu Sách	0,14	0,01	0,13	0,09							0,03														**0,01**				Bình Tú, Bình Trung		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 1353/QĐ-UBND 15/7/2020 của UBND Huyện thống nhất danh mục đầu tư và giao nhiệm vụ lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2021, NQ số 15/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về bổ sung danh mục đầu tư công năm 2021 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021 (phụ lục 43)	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
48	Đường nối từ Quốc lộ 1A (Bình Tú) - Đường Võ Chí Công UBND xã Bình Sa (Tên 2021: Đường nối từ Quốc lộ 1A (Bình Tú) đến Trung tâm xã Bình Sa)	6,07	2,48	3,59	0,97		0,80			0,02			1,32								0,31				0,17					Bình Tú; Bình Sa		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ1471/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND huyện Thăng Bình; Nghị quyết 56/NQ-HĐND 22/7/2021, NQ số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021	Ngân sách tỉnh và huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53 ngày 22/7/2021	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 53 ngày 22/7/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
49	Tuyến đường nội thị: đoạn từ	1,05		1,05	1,05																									Thị trấn Hà Lam		Ban Quản lý dự án -	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09/7/2021	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ	NQ 84/NQ-HĐND	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	đường 3/2 đến giáp đường từ xã Bình Quý đi vùng Đông																															Đô thị huyện Thăng Bình	của HĐND huyện Thăng Bình về Kế hoạch đầu tư công năm 2022		68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	ngày 8/12/2021	
50	Đường từ trường Thái Phiên đi Quốc lộ 14E	1,88		1,88				0,08					1,80																	Thị trấn Hà Lam	vị trí trên bản đồ kế hoạch	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 3125/QĐ-UBND tỉnh 30/9/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường từ trường THPT Thái Phiên đến Quốc lộ 14E	NS tỉnh,	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
51	Đầu tư xây dựng công trình tuyến giao thông nội thị Lý Tự Trọng	2,23	1,20	1,03	0,05		0,39						0,50															0,09		Thị trấn Hà Lam		UBND huyện Thăng Bình	Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
52	Đường Tiểu La (Tư Thiết - Bình Quý)	1,50	0,63	0,87	0,10			0,20				0,20	0,15								0,02							0,20		Thị trấn Hà Lam; Bình Quý	vị trí trên bản đồ kế hoạch	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 2222/QĐ-UBND 13/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Tiểu La (Tư Thiết - Bình Quý); QĐ 2795/QĐ-UBND 11/12/2020 của UBND Huyện phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Tiểu La (Tư Thiết - Bình Quý)	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
53	Cầu Bình Sa đi Bình Hải (cầu Tây Giang), huyện Thăng Bình	10,52		10,52	1,11	0,33	1,70	0,91	0,70	0,60	1,42	0,39								1,21	0,10				1,66			0,39		Bình Sa; Bình Hải	vị trí trên bản đồ kế hoạch	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Quyết phê duyệt dự án đầu tư định số 3878/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh	Ngân sách trung ương và huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 16/NQ-HĐND BS 2022 ngày 21/4/2022; NQ 25 BS 2021 ngày 19/4/2021	NQ 15/NQ-HĐND BS 2022 ngày 21/4/2022; NQ 25 BS 2021 ngày 19/4/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
54	Mở rộng đường ĐH 7	0,26		0,26	0,15			0,09				0,02																		Bình Trị		UBND xã	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về danh mục các công trình Kiên cố hoá đường huyện (ĐH) và đường GTNT kế hoạch năm 2022	Ngân sách	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS							
55	Nút giao thông ĐH4 - ĐH21	0,02		0,02								0,02																		Bình Quế	Thửa đất 543, tờ BD địa chính số 06	UBND xã Bình Quế	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34 ngày 20/7/2022		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
56	Tuyến đường từ cầu Mân đi ĐH21	0,73		0,73	0,38	0,10		0,25																						Bình Quế	tờ bản đồ số 8 và 9	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 và 2023; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022 của huyện Thăng Bình; Thông báo số 239-TB/HU ngày 27/5/2022 của Huyện ủy Thăng Bình	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
57	Tuyến ĐH 13 (đoạn qua tổ 3 thôn Long Hội)	1,27		1,27				0,15		1,07																		0,05		Bình Chánh	Tờ bản đồ 05, 06	UBND xã	Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Thăng Bình vv Thông qua Đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Thăng Bình, giai đoạn 2021 - 2025	Vốn ngân sách trích từ KTQĐ	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
58	Tuyến ĐH 29 (đoạn qua tổ 2 thôn Long Hội)	1,00		1,00	0,50							0,50																		Bình Chánh	Tờ bản đồ 02, 03, 04, 05, 06	UBND xã	Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Thăng Bình vv Thông qua Đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Thăng Bình, giai đoạn 2021 - 2025	Vốn ngân sách trích từ KTQĐ	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
59	Cầu Bà Quy	0,50		0,50			0,50																							Bình Quý		UBND xã	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về việc quyết định chủ trương đầu tư các		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 và năm 2023				
47	Đường trục chính vào khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng	0,50		0,50			0,50																							Bình Nam		Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	NQ 26/NQ-HĐND 19/4/2021 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMĐ sử dụng rừng sang mục đích khác để đầu tư xây dựng dự án: Đường trục chính vào khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng xã Bình Nam huyện Thăng Bình, QĐ 244/QĐ-KTM 27/10/2017, QĐ 115/QĐ-KTM 26/6//2019 của BQL KKTM CL	Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
60	Mở rộng ĐH17, Bình Trung - Tam Thăng	1,50		1,50			0,40	0,50				0,50																0,10		Bình Nam		UBND xã Bình Nam	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 và năm 2023		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ năm 2021, 2023, 2024
61	Cầu Tứ Sơn trên tuyến ĐH 5	0,50		0,50	0,12															0,24						**0,10**		0,04		Bình Trung	vị trí trên bản đồ kế hoạch	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 531/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND huyện; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 và 2023 (Phụ lục số 04)	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 12/NQ-HĐND ngày 05/05/2023	NQ 13/NQ-HĐND ngày 05/05/2023	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
62	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	0,03		0,03								0,03																		Bình Chánh	Thửa số 854, tờ bản đồ số 5	Tổng công ty Đầu tư và phát triển đường cao tốc Việt Nam	CV 2135/STNMT-QLĐĐ ngày 6/9/2023 vv phúc đáp báo cáo số 391/BC-UBND ngày 16/8/2023 của UBND huyện Thăng Bình; Bản án số 110/2023/HC-PT ngày 19/4/2023 của Toàn án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; QĐ		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Nguyễn Hạnh và bà Nguyễn Thị Họa; Chuyển tiếp từ 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																	2656/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2010 của Bộ GTVT về việc phê duyệt đầu tư Dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi				
63	Tuyến Nguyễn Thuật (Đường 14E đến ĐH21)	1,50		1,50	0,24		0,50	0,50					0,26																	Thị trấn Hà Lam		UBND thị trấn Hà Lam	QĐ số 2452/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 UBND huyện Thăng Bình v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách thị trấn	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Chuyển tiếp từ năm 2024
64	Đường GTNT, GTNĐ	0,56		0,56				0,2																				0,36		Bình Chánh	Tờ bản đồ 1, 3, 4, 6, 7/1; 1, 3, 4/2		Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của HĐND huyện Thăng Bình				Đăng ký mới 2025
65	Diện tích nằm ngoài vạch GPMB nhưng ảnh hưởng từ dự án Quốc lộ 14E	0,34		0,34	0,34																									Bình Lãnh	Thửa 7, 8, 9, 11, 12, 20, 26 tờ bản đồ số 15d		Thông báo số 307/TB-UBND ngày 30/8/2024 Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Nam Hưng tại buổi kiểm tra hiện trường và làm việc giải quyết các tồn tại, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E đoạn qua huyện Thăng Bình				Đăng ký mới 2025
DTT	**Đất thể dục thể thao**	**4,09**		**4,09**	**0,35**		**1,86**	**0,32**	**0,35**	**0,24**		**0,03**						**0,09**							**0,85**												
66	Khu thể thao xã Bình Nam	1,20		1,20					0,35																0,85					Bình Nam		UBND xã	QĐ 1353/QĐ-UBND 15/7/2020 của UBND Huyện thống nhất danh mục đầu tư và giao nhiệm vụ lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2021, NQ số 15/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 15/NQ-HĐND BS 2022 ngày 21/4/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
67	Sân vận động trung tâm xã	2,56		2,56	0,35		1,86	0,32				0,03																		Bình Lãnh	thửa 691, 692, 775, 773b, 772, 774, 802a, 771b, 771a, 768-770, 803-	UBND xã	QĐ 3027/QĐ-UBND 28/10/2029 của UBND huyện Thăng Bình vv	Vốn sự nghiệp kinh tế	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023;	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																														805, 694a, 694b, 693, 659a, 659b, 660, 661, 662a, 662b, 1278, 1274-1278, 1281, 1268-1273, 595, 695a, 695b, 767, 766a, 507 tờ bản đồ số 6		phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: trung tâm văn hóa - thể thao, sân vận động xã Bình Lãnh		9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 73 ngày 8/12/2020	
68	Nâng cấp sân vận động huyện (giai đoạn 1)	0,24		0,24						0,24																				Thị trấn Hà Lam		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
69	Thu hồi đất, giao đất để thực hiện sân thể thao xã	0,09		0,09														0,09												Bình Minh	Thửa 147, 148 tờ 19, CSDL là tờ 18		đã xây dựng tường rào ổn định từ năm 2019 nhưng chưa thu hồi đất, giao đất, được sự thống nhất của công ty Làng biển nhiệt đới Hội An				Đăng ký mới 2025
DKV	**Đất khu vui chơi giải trí công cộng**	**0,16**		**0,16**																		**0,16**														
70	Khu vui chơi người cao tuổi và trẻ em	0,16		0,16																		0,16								Bình Phú	Tờ bản đồ số 02 thửa: 1042 Tọa độ khép góc: 1/X: 1730384 Y: 562054 2/X: 1730383 Y: 562103 3/X: 1730445 Y: 562091	UBND xã	Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 02/7/2020 của HĐND huyện Thăng Bình	Ngân sách xã	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ năm 2024
DCH	**Đất chợ**	**1,00**		**1,00**	**0,73**			**0,07**																				**0,20**								
71	Chợ Bình Dương	1,00		1,00	0,73			0,07																				0,20		Bình Dương			NQ 29/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư trung hạn thực hiện CTMTQG XDNTM giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Thăng Bình				Đăng ký mới 2025
DTL	**Đất thủy lợi**	**2,90**		**2,90**	**2,15**					**0,43**																	**0,27**	**0,05**								
72	Hồ chứa nước Hố Do	2,90		2,90	2,15					0,43																	0,27	0,05		Bình Quế; Bình Phú	Tờ bản đồ số 01	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông	QĐ 1854/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây	Ngân sách tỉnh	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Chuyển tiếp từ năm 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																															nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam	dựng công trình Hồ chứa nước Hố Do, huyện Thăng Bình; QĐ 15/QĐ-HĐND ngày 21/3/2019; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 29/9/2021				
DVH	**Đất văn hóa**	**5,45**		**5,45**	**5,45**																															
73	Quảng trường, trung tâm văn hóa và các hạng mục khác (giai đoạn 1)	5,45		5,45	5,45																									Thị trấn Hà Lam		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 38/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 11/NQ-HĐND ngày 5/5/2023 điều chỉnh diện tích một số danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất huyện Thăng Bình; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 11/NQ-HĐND ngày 5/5/2023 điều chỉnh diện tích một số danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất huyện Thăng Bình; NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
DGD	**Đất giáo dục**	**2,79**		**2,79**	**0,56**	**0,01**	**0,41**	**0,02**		**0,40**			**0,12**	**0,02**		**0,58**		**0,08**							**0,35**			**0,24**									
74	Trường mẫu giáo Bình Định Bắc	0,07		0,07		0,01	0,01									0,05														Bình Định Bắc	Thửa số 151/35	UBND xã	QĐ 3015/QĐ-UBND 25/10/2019 của UBND huyện v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; NQ số 14/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
75	Mở rộng trường mẫu giáo Bình Định Nam	0,16		0,16	0,16																									Bình Định Nam	Tờ bản đồ (DĐĐT) số 4 thửa 58, 75, 652	UBND xã	QĐ 1353/QĐ-UBND 15/7/2020 của UBND Huyện thống nhất danh mục đầu tư và giao nhiệm vụ lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2021, NQ số 14/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
76	Mở rộng trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	0,40		0,40	0,40																									Bình Định Nam	Tờ bản đồ (DĐĐT) số 4 thửa 75, 96, 652, 121	UBND xã	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
77	Trường mẫu giáo Bình Giang	0,33		0,33												0,33														Bình Giang	Thửa 207 tờ 69	UBND xã	QĐ 1353/QĐ-UBND 15/7/2020 của UBND Huyện thống nhất danh mục đầu tư và giao nhiệm vụ lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2021; NQ số 14/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
78	Mở rộng trường TH Nguyễn Văn Cừ (Bình Tịnh)	0,08		0,08						0,08																				Bình Minh		UBND huyện Thăng Bình	QĐ 2669/QĐ-UBND 25/9/2019 của UBND huyện Thăng Bình v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
79	Mở rộng trường Mẫu giáo Bình Minh (thôn Hà Bình)	0,02		0,02				0,02																						Bình Minh	Tờ bản đồ số 11	UBND xã	Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trường Mẫu giáo Bình Minh; hạng mục: 05 phòng học và bếp ăn tại xã Bình Minh, huyện Thăng Bình	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ năm 2024
80	Trường Mẫu giáo Bình Minh (thôn Bình Tịnh)	0,20		0,20												0,20														Bình Minh	Tờ bản đồ số 18	UBND xã	Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trường Mẫu giáo Bình	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ năm 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																Minh; hạng mục: 05 phòng học và bếp ăn tại xã Bình Minh, huyện Thăng Bình				
81	Mở rộng Trường THCS Phan Đình Phùng	0,32		0,32						0,32																				Bình Minh	Thửa đất số 212 thuộc tờ bản đồ số 08	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về kế hoạch đầu tư công năm 2023 của huyện Thăng Bình		NQ 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2024		Bổ sung 2024
82	Mở rộng trường Nguyễn Đình Chiểu	0,50		0,50			0,20																		0,30					Bình Phục	Thửa số 461, tờ 15		QĐ số 1864/QĐ-UBND ngày 21/08/2018 của UBND huyện v/v thống nhất danh mục đầu tư và giao nhiệm vụ lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
83	Mở rộng trường mẫu giáo Bình Sa, thôn Bình Trúc	0,04		0,04										0,02														0,02		Bình Sa	Tờ bản đồ số 38; thửa 11	UBND xã Bình Sa	QĐ 3041/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện Thăng Bình Phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo, nâng cấp trường Mẫu giáo Bình Sa	vốn xã hội hóa, Vốn tỉnh hỗ trợ theo Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh			Đăng ký mới 2025
84	Mở rộng trường mẫu giáo Bình Sa, phân hiệu thôn Tiên Đõa	0,05		0,05																					0,05					Bình Sa	Tờ bản đồ số 06, 10; thửa 1267 và 30	UBND xã Bình Sa	QĐ 3041/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện Thăng Bình Phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo, nâng cấp trường Mẫu giáo Bình Sa	vốn xã hội hóa, Vốn tỉnh hỗ trợ theo Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh			Đăng ký mới 2025
85	Mở rộng trường mẫu giáo Bình Sa, phân hiệu thôn Tây Giang	0,05		0,05			0,05																							Bình Sa	Tờ bản đồ số 30; thửa 374	UBND xã Bình Sa	QĐ 3041/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện Thăng Bình Phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo, nâng cấp trường Mẫu giáo Bình Sa	vốn xã hội hóa, Vốn tỉnh hỗ trợ theo Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh			Đăng ký mới 2025
86	Trường THCS Ngô Quyền	0,20		0,20			0,10																					0,10		Bình Triều	Thửa 30 tờ 51	UBND xã Bình Triều	Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND xã Bình Triều về phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình Trường THCS Ngô Quyền	Ngân sách địa phương	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
87	Trường Mẫu giáo Bình Triều phân hiệu chính	0,08		0,08														0,08												Bình Triều	Thửa 01 tờ 35	UBND xã	Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND huyện Thăng Bình về phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Trường Mẫu giáo Bình Triều. Hạng mục 02 phòng học, bếp ăn, 05 phòng chức năng và hội trường	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
88	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	0,17		0,17			0,05																					0,12		Bình Triều	Thửa đất số 11, 13, 14 thuộc tờ bản đồ số 22	Ban quản lý Chương trình MTQG xây dựng NTM xã Bình Triều	Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND xã Bình Triều về việc phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng Công Trình: Trường Tiểu học Lê Hồng Phong; hạng mục: Phân hiệu Trung tâm 06 phòng chức năng, sân bê tông, sân chơi bãi tập tại xã Bình Triều, huyện Thăng Bình		NQ 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2024		Bổ sung 2024
89	Mở rộng trường Tiểu La	0,12		0,12									0,12																	Thị trấn Hà Lam	thửa đất số: 105, 108, 202, 126, 200, 201, 188 thuộc tờ bản đồ số 22, khu phố 4, thị trấn Hà Lam	Sở Giáo dục và đào tạo	Thông báo số 212/TB-UBND ngày 17/6/2014 của UBND tỉnh vv thoa thuận địa điểm mở rộng xây dựng trường THPT Tiểu La tại thị trấn Hà Lam				Đăng ký mới 2025
ONT	**Đất ở tại nông thôn**	**22,31**		**22,31**	**8,69**	**0,03**	**4,87**	**0,60**	**1,61**	**0,58**	**0,04**	**0,07**		**0,02**		**1,17**				**0,70**	**0,21**				**0,81**	**0,07**		**2,84**									
90	Khu dân cư nông thôn mới thôn An Thành 2 (nhà đội thuế Bình An)	0,02		0,02										0,02																Bình An	Tờ bản đồ số 03 thửa đất số 989	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 3039/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ năm 2024
91	Bố trí tái định cư xen kẽ trong khu dân cư cho hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	0,03		0,03		0,03																								Bình Chánh	Thửa số 66, tờ bản đồ số 5/1	Tổng công ty Đầu tư và phát triển đường cao tốc Việt Nam	CV 2135/STNMT-QLĐĐ ngày 6/9/2023 vv phúc đáp báo cáo số 391/BC-UBND ngày 16/8/2023 của UBND huyện Thăng Bình; Bản án số 110/2023/HC-PT ngày 19/4/2023 của Toàn án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; QĐ 2656/QĐ-BGTVT ngày		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Nguyễn Hạnh và bà Nguyễn Thị Hoa; Chuyển tiếp từ 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																10/9/2010 của Bộ GTVT về việc phê duyệt đầu tư Dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi				
92	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ngũ Xã, thôn Long Hội và thôn Tú Trà, xã Bình Chánh	0,32		0,32						0,12																		0,20		Bình Chánh		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Thăng Bình về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất		NQ 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2024		Bổ sung 2024
93	Khu tái định cư Bình Đào (giai đoạn 3)	0,01		0,01	0,01																									Bình Đào		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện Thăng Bình về phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Khu TĐC Bình Đào (giai đoạn 3)	NS tỉnh,	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
94	Khu dân cư nông thôn mới tổ 4, tổ 5, thôn Trà Đóa	2,54		2,54	2,00		0,51													0,01	0,01							0,01		Bình Đào		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022	Vốn KTQĐ trong DA +TTPTQĐ và CNDV	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
95	Khu dân cư nông thôn mới tổ 6, thôn Đồng Thanh Sơn (Đồng Đức)	1,93		1,93	1,77						0,04									0,06	0,06									Bình Định Nam		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
96	Khu dân cư trung tâm xã Bình Dương (Giai đoạn 2)	4,25		4,25			1,55	0,23	1,61	0,46										0,20	0,05					**0,05**		0,10		Bình Dương	Tờ bản đồ 19, 25	UBND huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 26/NQ-HDND ngày 9/7/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về bổ sung danh mục đầu tư công năm 2021 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021 (Phụ lục số 07)	Ngân sách tỉnh	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 11/NQ-HĐND ngày 5/5/2023 điều chỉnh diện tích một số danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất huyện Thăng Bình; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND	NQ 13/NQ-HĐND ngày 5/5/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024. Đã được thông qua tại NQ 13/NQ-HĐND ngày 5/5/2023 (2,61 ha); NQ 73 ngày 8/12/2020 (1,89 ha). Nay đăng ký lại 1,89 ha để tiếp tục

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																		ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020; NQ 53 ngày 22/7/2021		thực hiện dự án
97	Khu dân cư nông thôn mới tổ 19 thôn 3, Bình Giang	1,40		1,40			0,60																					0,80		Bình Giang	Tờ bản đồ số 77	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 2836/QĐ-UBND 8/10/2019 của UBND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
98	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Hiền Lương (phục vụ GPMB dự án Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn nối với Quốc lộ 14H và Quốc lộ 1A)	0,33		0,33	0,12		0,09													0,05	0,03							0,04		Bình Giang	- Thửa đất số: 1, 25, 28, 29, 30, 39, 40, 41 thuộc tờ bản đồ số 25; - Thửa đất số: 59, 60, 87, 392 thuộc tờ bản đồ số 26	UBND huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình vv bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NSNN giai đoạn 2021 -2025	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
99	Bố trí tái định cư xen kẽ trong khu dân cư tại thôn Bình Hòa (phục vụ GPMB dự án Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn nối với Quốc lộ 14H và Quốc lộ 1A)	0,11		0,11																								0,11		Bình Giang	Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 43; Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 43	UBND huyện Thăng Bình	- QĐ 1416 ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh phê duyệt dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công) Địa điểm: thành phố Tam Kỳ và các huyện Núi Thành,Thăng Bình, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; - Thông báo số 499/TB-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện Thăng Bình	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
100	Khu dân cư NTM tổ 19, thôn Bình Túy	1,10		1,10																								1,1		Bình Giang	Tờ bản đồ số 77		QĐ 2836/QĐ-UBND ngày 8/10/2019 của UBND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
101	Khu tái định cư dự án đường nối Võ Chí Công (Bình Sa) đi KCN Đông Quế Sơn	0,60		0,60			0,6																							Bình Giang	Tờ bản đồ 25, 26		QĐ 1416/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam vv phê duyệt dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công) Địa điểm: Tp Tam Kỳ và các huyện: Thăng Bình, Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam				Đăng ký mới 2025

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS							
102	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn trường mẫu giáo Hiền Lộc	0,04		0,04												0,04														Bình Lãnh	Thửa 541a tờ bản đồ số 13		QĐ 3482/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Thăng Bình về điều chỉnh tài sản Nhà nước của Trường mẫu giáo Bình Lãnh cho UBND xã Bình Lãnh quản lý				Đăng ký mới 2025
103	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn trường mẫu giáo Sơn Cẩm Nga	0,02		0,02												0,02														Bình Lãnh	Thửa 278 tờ bản đồ số 20		QĐ 1110/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND huyện Thăng Bình về điều chỉnh tài sản Nhà nước của Trường mẫu giáo Bình Lãnh cho UBND xã Bình Lãnh quản lý				Đăng ký mới 2025
104	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn trường mẫu giáo Bắc Bình Sơn	0,07		0,07												0,07														Bình Lãnh	Thửa 349 tờ bản đồ số 4		QĐ 2322/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND huyện Thăng Bình về điều chỉnh tài sản Nhà nước của Trường mẫu giáo Bình Lãnh cho UBND xã Bình Lãnh quản lý				Đăng ký mới 2025
105	Khu dân cư thôn Nghĩa Hòa	2,42		2,42			1,11	0,06				0,02								0,15	0,02				0,81	**0,02**		0,23		Bình Nam	Tờ bản đồ số 29	Trung tâm PT quỹ đất Quảng Nam	Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư thôn Nghĩa Hòa, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình; Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư thôn Nghĩa Hoà, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình; Quyết định giao chỉ tiêu và kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022 định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh (ứng quỹ phát triển đất và hoàn trả bằng nguồn thu tiền sử dụng đất của dự án nộp vào ngân sách tỉnh)	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 16/NQ-HĐND BS 2022 ngày 21/4/2022		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
106	Khu dân cư nông thôn mới tổ 2, thôn Vịnh Giang	0,30		0,30				0,30																						Bình Nam	Thửa đất 491, 505; tờ bản đồ số 18 1. 1731155.24; 580777.31 2. 1731131.20; 580808.53 3. 1731075.61; 580771.76 4. 1731093.47; 580728.24	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	NQ 25/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện vv bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NSNN giai đoạn 2021 - 2025	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
107	Khu dân cư nông thôn mới tại trường đào tạo nghề Miền Trung xã Bình Nguyên (giai đoạn 2)	0,70		0,70												0,70														Bình Nguyên		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND huyện, về KHĐT công năm 2022	Vốn KTQĐ trong DA +TTPTQĐ và CNDV	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
108	Khu dân cư nông thôn mới phía Đông chợ Hà Châu, Bình Phú (giai đoạn 1)	0,31		0,31			0,02	0,01				0,05								0,20	0,01							0,02		Bình Phú		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ số 13 ngày 11/10/2019 HĐND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư; QĐ 14/QĐ-HĐND 14/10/2019 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2023, 2024
109	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ngọc Sơn Đông (phục vụ GPMB dự án Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn nối với Quốc lộ 14H và Quốc lộ 1A)	0,83		0,83	0,63		0,20																							Bình Phục	Các thửa đất: 22-24; 30-36, 45-48; 50; 52-54; 59-64; 66; 69-71; 73; 75; 79; 127 của tờ bản đồ địa chính số 45	UBND huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình vv bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NSNN giai đoạn 2021 -2025	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
110	Khu dân cư nông thôn mới tổ 7, Bình Quang (KDC chợ Đo Đo)	1,50		1,50	1,50																									Bình Quế	theo tọa độ bản vẽ thiết kế	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	NQ 39/NQ-HĐND ngày 7/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công 2022	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
111	Bố trí tái định cư xen kẽ trong khu dân cư phục vụ GPMB dự án Nút giao thông ĐH4 - ĐH21	0,02		0,02	0,02																									Bình Quế	Thửa đất số 668, tờ bản đồ số 06	UBND huyện Thăng Bình	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Ngân sách	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
112	Khu dân cư tổ 01, trường mẫu giáo Bình Hội	0,17		0,17												0,17														Bình Quế	Thửa 1356 tờ 1	Trung tâm PTQĐ và CNDV	NQ 37/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 về đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Quế, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2030				Đăng ký mới 2025
113	Khu dân cư nông thôn mới tổ 3, 4, thôn Quý Thạnh	1,86		1,86	1,86																									Bình Quý		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ	QĐ số 2746/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện về phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ Thuật Công trình	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																															Thăng Bình	đầu tư; NQ số 05/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND huyện V/v phê duyệt kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2018-2020		ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	8/12/2020	
114	Khu dân cư nông thôn mới thôn Tây Giang (phục vụ GPMB dự án cầu Tây Giang)	0,22		0,22			0,19																					0,03		Bình Sa	Thửa đất số 800, 801, 820, 821; tờ bản đồ số 29	UBND huyện Thăng Bình	Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Sa đi Bình Hải (cầu Tây Giang), huyện Thăng Bình	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
115	Khu dân cư nông thôn mới thôn Tiên Đõa	0,06		0,06												0,06														Bình Sa		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt phương án và quyết định đấu giá quyền sử dụng đất dự án khai thác quỹ đất xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tiên Đoã, xã Bình Sa		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ năm 2024
116	Khu dân cư nông thôn mới tại tổ 2, thôn Vinh Huy, xã Bình Trị	0,20		0,20																								0,20		Bình Trị		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt Phương án sử dụng đất		NQ 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2024		Bổ sung 2024
117	Khu dân cư nông thôn mới tổ 1, Kế Xuyên 2, Bình Trung (giai đoạn 3)	0,63		0,63	0,57															0,03	0,03									Bình Trung		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022	Vốn KTQĐ trong DA +TTPTQĐ và CNDV	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
118	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tú Phương (phục vụ GPMB dự án Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn nối với Quốc lộ	0,11		0,11												0,11														Bình Tú	1. 1734236.25; 571554.51 2. 1734244.14; 571555.25 3. 1734252.75; 571586.74 4. 1734234.38; 571588.30 5. 1734222.54; 571588.78 6. 1734219.53; 571570.18 7. 1734223.05;	UBND huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình vv bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NSNN giai đoạn 2021 -2025	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 (NQ 53 tách 2 danh mục 0,08 ha và 0,03 ha); NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	14H và Quốc lộ 1A)																													571567.99 8. 1734228.87; 571566.44 9. 1734232.22; 571563.64 10.1734231.32 ; 571559.85 11. 1734231.63; 571556.65 12. 1734236.25; 571554.51 6'. 1734217.53; 571557.84						
119	Khu dân cư nông thôn mới từ nhà ông Phụng đi Tú Ngọc A	0,21		0,21	0,21																									Bình Tú		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Thăng Bình về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư tổ 7 thôn Tú Ngọc A, Bình Tú	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2023, 2024
ODT	**Đất ở tại đô thị**	**7,10**	**0,11**	**6,99**	**6,03**			**0,57**					**0,02**	**0,01**		**0,11**				**0,11**	**0,05**				**0,04**			**0,05**									
120	Bố trí tái định cư xen kẽ trong khu dân cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Đường từ trường THPT Thái Phiên đến Quốc lộ 14E, huyện Thăng Bình	0,08		0,08				0,08																						Thị trấn Hà Lam	Thửa đất 275, tờ BD địa chính số 06 *(Đất 5% do UBND thị trấn Hà Lam quản lý)*	UBND huyện Thăng Bình	Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường từ trường THPT Thái Phiên đến Quốc lộ 14E, huyện Thăng Bình	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
121	Khu chỉnh trang đô thị tổ 4	0,74		0,74	0,74																									Thị trấn Hà Lam		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	NQ 16/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Thăng Bình; Quyết định số 12/QĐ-HĐND ngày 10/10/2019 của HĐND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
122	Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Hà Lam (giai đoạn 1)	1,00		1,00	0,50			0,48					0,02																	Thị trấn Hà Lam		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 19/QĐ-UBND 25/10/2019 của HĐND huyện vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 20 ngày 3/10/2019	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
123	Khu tái định cư phục vụ công tác bồi thường,	1,03		1,03	0,76			0,01						0,01						0,11	0,05				0,04			0,05		Thị trấn Hà Lam		UBND huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của HĐND	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND	NQ 84/NQ-HĐND ngày	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	GPMB& TĐC công trình Đường từ trường THPT Thái Phiên đến Quốc lộ 14E (giai đoạn 2)																															huyện Thăng Bình.		ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 BS 2021 ngày 19/4/2021	8/12/2021; NQ 25 BS 2021 ngày 19/4/2021	
124	Khu dân cư Nam Hà Lam	4,03		4,03	4,03																									Thị trấn Hà Lam		UBND huyện Thăng Bình	NQ 37/NQ-HĐND ngày 7/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thăng Bình; Thông báo số 158-TB/HU ngày 28/10/2021 của Huyện uỷ Thăng Bình về kết luận của Ban Thường vụ Huyện uỷ về thống nhất chủ trương xây dựng Khu dân cư Nam Hà Lam;	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
125	Khu dân cư chỉnh trang tại khu phố 8 (tổ 12 cũ), thị trấn Hà Lam	0,09		0,09												0,09														Thị trấn Hà Lam		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Thăng Bình về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất		NQ 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2024		Bổ sung 2024
126	Bố trí tái định cư xen kẽ đường 3 tháng 2 (Đoạn Nguyễn Thuật-Tiểu La) - Giai đoạn 1	0,02		0,02												0,02														Thị trấn Hà Lam	Tờ bản đồ số: 39; Thửa đất số: 122		Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND huyện Thăng Bình về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường 3/2 (đoạn Nguyễn Thuật – Tiểu La), hạng mục: nền, mặt đường và công trình thoát nước tại thị trấn Hà Lam				Đăng ký mới 2025
127	Chỉnh trang khu dân cư đô thị khu phố 2	0,05	0,05																											Thị trấn Hà Lam	Thửa 356 tờ 29		QĐ 3306/QĐ-UBND ngày 5/12/2023 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt phương án sử dụng đất				Đăng ký mới 2025
128	Chỉnh trang khu dân cư đô thị khu phố 8	0,06	0,06																											Thị trấn Hà Lam	Thửa 387 tờ bản đồ 06		QĐ 3306/QĐ-UBND ngày 5/12/2023 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt phương án sử dụng đất				Đăng ký mới 2025
TSC	**Đất trụ sở cơ quan**	**0,11**		**0,11**	**0,11**																															

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
129	Trụ sở Kho Bạc huyện	0,10		0,10	0,10																									Thị trấn Hà Lam		Kho bạc tỉnh	QĐ số 2360/QĐ-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài Chính		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
130	Trụ sở làm việc chi cục thuế Thăng Bình	0,01		0,01	0,01																									Thị trấn Hà Lam		Chi cục thuế	QĐ 2355a/QĐ-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2016-2020 của Tổng cục Thuế		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
DRA	**Đất xử lý rác thải, bãi thải**	**0,02**		**0,02**																								**0,02**								
131	Nhà trung chuyển rác Bình Xá	0,02		0,02																								0,02		Bình Quế	Thửa 698 tờ 5		Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Bình Quế về đồ án quy hoạch chung xã Bình Quế giai đoạn đến năm 2030				Đăng ký mới 2025
NTD	**Đất nghĩa trang, nghĩa địa**	**1,63**		**1,63**			**0,30**		**0,73**											**0,02**								**0,58**								
132	Khu nghĩa trang nhân dân Nam Thăng Bình và đường dẫn (giai đoạn 1) – bổ sung phần diện tích phần đường dẫn và khớp nối hạ tầng kỹ thuật khác	1,63		1,63			0,30		0,73											0,02								0,58		Bình Sa; Bình Trung		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/03/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022	Đề nghị tỉnh hỗ trợ thuộc dự án vùng Đông của tỉnh	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34 ngày 20/7/2022	NQ 02/NQ-HĐND ngày 21/3/2023; NQ 31 ngày 20/7/2022 (bs nằm ngoài chỉ tiêu cmđ)	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
DSH	**Đất sinh hoạt cộng đồng**	**3,91**		**3,91**			**3,50**									**0,41**																				
133	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Trường An, Phước Cẩm, Tú Ngọc A, B, Tú Mỹ, Tú Nghĩa, Tú Phương	3,00		3,00			3,00																							Bình Tú			Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 và năm 2023		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
134	Nhà văn hóa thôn Xuân Thái	0,29		0,29												0,29														Bình Định Bắc	Thửa đất số 334, tờ bản đồ số 48	UBND xã Bình Định Bắc	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Thăng Bình phê duyệt chi tiết danh mục công trình đầu tư công thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn huyện Thăng Bình		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 16/NQ-HĐND ngày 12/7/2023		Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
135	Nhà văn hóa thôn Long Hội	0,12		0,12												0,12														Bình Chánh	Tờ bản đồ 06		Quyết định 138/QĐ_UBND ngày 06/2/2023 của UBND huyện Thăng Bình Về việc triển khai thực hiện danh mục công trình đầu tư công thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ năm 2024
136	Nhà văn hóa thôn Quý Thạnh 1	0,50		0,50			0,50																							Bình Quý			QĐ 1192/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND huyện Thăng Bình về phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện chương tringh MTQG xây dựng NTM	Ngân sách nhà nước	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		Chuyển tiếp từ năm 2024
SKN	**Đất cụm công nghiệp**	**38,82**		**38,82**			**11,51**			**16,70**	**0,10**									**0,50**	**0,80**				**1,61**			**7,60**								
137	Cụm công nghiệp Bình An: Quỹ đất thu hút đầu tư	17,70		17,70						16,7											0,8				0,2					Bình Định Bắc, Bình Quý	Tờ bản đồ số 35, thửa số 28	Trung tâm PTQĐ và CNDV	QĐ 2949/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND huyện Thăng Bình vv Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp Bình An, xã Bình Định Bắc và Bình Quý, huyện Thăng Bình và ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch	Ngân sách huyện			Đăng ký mới 2025
138	Nhà máy sản xuất đồ nội thất rời - Công ty TNHH TM&KTĐ Thăng Bình	2,01		2,01			2,01																							CCN HL-CĐ (Bình Phục)	Lô B/B6	Công ty TNHH TM và KTĐ Thăng Bình	Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 5/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ; 'Nghị	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 và năm 2023; - CV 1641/UBND-TTPTQĐ&CN-DV ngày 27/10/2021 của UBND huyện Thăng Bình về thống nhất nguyên tắc về địa điểm dự kiến cho phép Công ty TNHH TM&KTĐ Thăng Bình nghiên cứu thực hiện dự án				
139	Nhà máy gia công Nhôm định hình Yng Hua - công ty TNHH ASEAN Quảng Nam	1,01		1,01			0,91				0,10																		CCN HL-CĐ (Bình Phục)	Lô B/B5	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 1550/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án NHÀ MÁY GIA CÔNG NHÔM ĐỊNH HÌNH YNG HUA, nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH ASEAN QUẢNG NAM '- Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022; văn bản số 1285/UBND-TTPTQĐ&CN-DV ngày 18/7/2022 vv UBND huyện Thăng Bình thống nhất nguyên tắc về địa điểm dự kiến cho phép công ty TNHH ASEAN Quảng Nam nghiên cứu thực	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																hiện đầu tư dự án Nhà máy gia công nhôm định hình Yng Hua;				
140	Nhà máy sản xuất mút xốp Hà Lam tại Cụm CNHLCĐ của Công ty TNHH XNK nội thất Hà Lam - Lô A/A2	2,17		2,17																					0,10			2,07		CCN HL-CĐ (Bình Phục-Bình Triều)	Lô A/A2	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nội thất Hà Lam	QĐ số 172/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về chấp thuận CTĐT Nhà máy sản xuất mút xốp Hà Lam	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nội thất Hà Lam	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
141	Nhà máy sản xuất nội thất Hà Lam tại Cụm CNHLCĐ của Công ty TNHH XNK Nội thất Hà Lam	1,63		1,63																								1,63		CCN HL-CĐ (Bình Phục-Bình Triều)	Lô A/A2	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nội thất Hà Lam	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 7/01/2022 của UBND tỉnh Quảng nam về chấp thuận CTĐT Nhà máy sản xuất hàng nội thất Hà Lam	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nội thất Hà Lam	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
142	Nhà máy in ấn Công ty TNHH Wei Xern Sin Industrial Đà Nẵng	1,79		1,79			0,99																					0,80		CCN HL-CĐ (Bình Phục)	Lô B/B5	Công ty TNHH Wei Xern Sin Industrial Đà Nẵng	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022; Văn bản số 1680/UBND-TTPTQĐ&CN-DV ngày 16/9/2022 vv UBND huyện Thăng Bình thống nhất nguyên tắc về địa điểm dự kiến cho phép công ty TNHH Wei Xern Sin Industrial Đà Nẵng nghiên cứu thực hiện đầu tư dự án Nhà máy in ấn	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
143	Nhà máy dệt Bumyung Vina	1,55		1,55																								1,55		CCN HL-CĐ (Bình Phục - Bình Triều)	Lô A/A1	Doanh nghiệp	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022; - Công văn 1642/UBND-	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																TTPTQĐ và CN-DV ngày 27/10/2021; Công văn số 680/UBND-TTPTQĐ và CN-DV ngày 20/4/2022				
144	Dự phòng thu hút đầu tư (thuộc Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được): - San nền Lô, F/F1: 2,40 ha - San nền Lô, B/B5: 1,01 ha - Lô A/A1: 3,05 ha	6,46		6,46			4,10																		0,81			1,55		CCN HL-CĐ (Bình Phục - Bình Triều)	Lô B/B5, F/F1, Lô A/A1, Lô chấm dứt dự án Nhà máy dệt WkNit Vina, Nhà máy dệt Bumyung Vina	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022; ; Công văn 1642/UBND-TTPTQĐ và CN-DV ngày 27/10/2021; Công văn số 680/UBND-TTPTQĐ và CN-DV ngày 20/4/2022	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
145	Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được: Nhà máy sản xuất nội thất nhà bếp và các sản phẩm nội thất nhà ở của Công ty TNHH Gỗ Phú Toàn Quảng Nam	1,50		1,50			1,50																							CCN HL-CĐ (Bình Phục - Bình Triều)	Lô A/A2	Công ty TNHH Gỗ Phú Toàn Quảng Nam	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Thăng Bình về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 và năm 2023; Quyết định số 3830/QĐ-UB ngày 03 tháng 9 năm 2004 và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1: 2.000 tại Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 02/11/2011; QĐ 3042/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam QĐ Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
146	Nhà máy kho bảo quản và xưởng sản xuất sản phẩm từ động vật (thuộc Cụm công nghiệp	3,00		3,00			2,00													0,50					0,50					CCN HL-CĐ (Bình Phục)	Lô B/B4, cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được	Công ty TNHH Thực Phẩm Sáng Ngọc	QĐ 1360/QĐ-UBND ngày 21/5/2020	Công ty TNHH Thực Phẩm Sáng Ngọc	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	Hà Lam - Chợ Được)																																		73 ngày 8/12/2020		
2.1.2	**Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước**	**221,71**		**221,71**	**1,16**	**46,50**	**76,68**	**5,56**		**13,48**	**0,08**	**47,87**				**0,38**	**1,17**	**1,67**	**3,03**	**8,15**	**0,91**	**0,59**	**0,08**	**0,31**	**8,34**	**0,09**		**5,66**									
DNL	**Đất năng lượng**	**0,82**		**0,82**	**0,45**		**0,22**	**0,03**																				**0,12**									
147	Cải tạo nâng cấp đường dây 110kV TBA 220kV Duy Xuyên - TBA 110kV Tam Thăng (tên năm 2021: Dự án đường dây 110KV mạch 2 Duy Xuyên - Tam Kỳ)	0,77		0,77	0,43		0,21	0,02																				0,11		Thị trấn Hà Lam; Bình Nguyên; Bình An; Bình Quý; Bình Tú; Bình Trung		Ban QLDA lưới điện miền Trung	Quyết định số 8830/QĐ-EVNCPC ngày 13/12/2016 của Tổng công ty điện lực Miền Trung	NNS, Điện lực	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
148	Cải tạo lưới điện trung áp khu vực Thăng Bình - Duy Xuyên - Điện Bàn	0,05		0,05	0,02		0,01	0,01																				0,01		Thị trấn Hà Lam; Bình Nguyên		Ban QLDA lưới điện miền Trung	Quyết định số 9091/QĐ-EVNCPC ngày 20/12/2016 của Tổng công ty Điện lực miền Trung phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án cải tạo lưới điện trung áp khu vực Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn	Điện lực	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
DBV	**Đất bưu chính viễn thông**	**0,06**		**0,06**																					**0,06**												
149	Trạm phát sóng BTS	0,06		0,06																					0,06					Bình Nam		Viễn thông Quảng Nam	QĐ 2821/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND Huyện Thăng Bình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng		NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023		bị ảnh hưởng dự án trường TH Hoàng Văn Thụ; Chuyển tiếp từ 2024
DCT	**Đất công trình cấp nước, thoát nước**	**0,20**		**0,20**																								**0,20**									
150	Trạm bơm tăng áp tại xã Bình Phục	0,20		0,20																								0,20		Bình Phục	Thửa đất số 189, tờ số 7	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam	Công văn số: 129/CP -CTN ngày 15/7/2022				Chuyển tiếp từ năm 2024
TON	**Đất tôn giáo**	**0,26**		**0,26**			**0,26**																														
151	Chùa Giác Thanh (giao đất và mở rộng chùa)	0,26		0,26			0,26																							Bình Nguyên			Công văn số 48-CV/BCĐ ngày 26/3/2024 của Ban Chỉ đạo Tôn giáo Tỉnh ủy về việc thống nhất chủ trương giao đất và mở rộng chùa Giác Thanh		NQ 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2024		Bổ sung 2024
TMD	**Đất thương mại dịch vụ**	**212,34**		**212,34**	**0,71**	**46,50**	**76,20**	**5,53**		**8,48**	**0,08**	**47,87**				**0,38**	**1,17**	**1,67**		**8,15**	**0,91**	**0,59**	**0,08**	**0,31**	**8,28**	**0,09**		**5,34**									

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
152	Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An	212,34		212,34	0,71	46,50	76,20	5,53		8,48	0,08	47,87				0,38	1,17	1,67		8,15	0,91	0,59	**0,08**	0,31	8,28	**0,09**		5,34		Bình Dương		Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An	Văn bản số 1163/TTg-QHQT ngày 04/7/2016 vv điều chỉnh GCNĐT dự án Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An; Thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Nam theo thông báo số 36/TB-VPCP ngày 6/02/2009; Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An tại huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có Mã số dự án là 1070702574 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2010, Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 8 năm 2016 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 28/9/2020.	Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	chưa có qđ CMĐ của Thủ Tướng	Danh mục thuộc trường hợp chuyển tiếp thu hồi đất theo quy định tại khoản 60, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; danh mục chuyển mục đích thuộc thẩm quyền Thủ tướng chính phủ; đã GPMB 55,28 ha (trong đó: LUC: 0,71, LUK: 8,9, đang xin thuê đất); chuyển từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
SKS	**Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**	**8,03**		**8,03**						**5,00**									**3,03**																	
153	Khai thác khoáng sản đất san lấp, xây dựng công trình khu vực 2 (TB69)	5,00		5,00						5,00																				Bình Quế	R1: 567.268,36; 1.729.925,61 R2: 567.231,63; 1.730.063,60 R3: 567.267,76; 1.730.173,96 R4: 567.208,17; 1.730.265,71 R5: 567.075,28;		Đấu giá quyền khai thác, GP thăm dò số 361/GP-STNMT ngày 11/10/2024	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ Thuật VNCN E&C			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																														1.730.231,02 R6: 567.081,16; 1.730.099,71 R7: 567.149,82; 1.729.910,50						
154	Khai thác đất san lấp, xây dựng công trình tại khu vực đồi Châu Mỹ, thôn Quý Xuân, xã Bình Quý, huyện Thăng Bình (TB40)	3,03		3,03															3,03											Bình Quý	Có tọa độ điểm góc	Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Quỳnh Dương	QĐ 1524/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam cho phép khai thác đất san lấp				Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024 để xin gia hạn giấy phép
2.2	**Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**	**18,58**	**2,10**	**16,48**		**0,31**	**3,35**	**0,15**	**0,72**	**2,77**								**0,70**		**0,94**			**0,01**		**0,04**	**1,47**		**5,96**	**0,06**								
DYT	**Đất y tế**	**3,90**		**3,90**			**3,04**	**0,02**												**0,73**						**0,11**											
155	Bệnh viện đa khoa quốc tế S.I.S Quảng Nam	3,90		3,90			3,04	0,02												0,73						**0,11**				Bình Dương	1. Y=1747916; X=569095 2. Y=1747802; X=569131 3. Y=1747688; X=568826 4. Y=1747803; X=568790		QĐ 3264/QĐ-UBND ngày 9/11/2021 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh tên gọi Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh và phê duyệt danh mục dự án nghiên cứu đề xuất đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đợt 2/2021 (Mục 5.2)				Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
TMD	**Đất thương mại dịch vụ**	**5,42**		**5,42**		**0,12**	**0,26**	**0,02**	**0,72**	**2,67**										**0,16**					**0,04**	**1,34**		**0,03**	**0,06**								
156	Khu lưu trú trải nghiệm Đồng Dương	4,68		4,68		0,12	0,26			2,67										0,16					0,04	**1,34**		0,03	0,06	Bình Định Bắc	Tờ bản đồ số 36 và số 40	Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Bình	QĐ chủ trương đầu tư số 3871/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu lưu trú trải nghiệm Đồng Dương tại xã Bình Định Bắc, huyện Thăng Bình; QĐ 1578/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Bình		NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
157	Khu dịch vụ du lịch bãi tắm Bình Minh	0,74		0,74				0,02	0,72																					Bình Minh		Công ty TNHH MTV Xây dựng và kinh doanh	Quyết định chủ trương đầu tư số 2596/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Xây dựng và kinh doanh nhà Long Á		NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																															nhà Long Á					
ONT	**Đất ở nông thôn**	**5,68**		**5,68**		**0,19**	**0,05**	**0,10**		**0,10**													**0,01**			**0,02**		**5,21**									
158	Tái định cư cho các hộ từ năm 2015 do bị ảnh hưởng bởi dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (17)	0,99		0,99		0,17																						0,82		Bình An	184, 185, 196, 216, 218; 2/1020; 6/598; 2/6; 385, 125, 147, 126, 127, 124, 120, 123/(6); 17/610; 17/928; 14/814; 5/177a; 18/380; 17/75; 01/504; 18/572, 573		Thông báo số 145/TB-UBND ngày 25/4/2014 của UBND tỉnh			NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	Giao đất tái định cư cho 17 hộ từ năm 2015 do bị ảnh hưởng bởi dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023; phương án giao đất năm 2022 nhưng chưa được phê duyệt, chuyển tiếp từ 2023, 2024
159	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Bình Định Bắc (giao đất ở cho HGĐ, cá nhân)	0,99		0,99		0,02				0,10																		0,87		Bình Định Bắc			Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình	Hộ gia đình, cá nhân		NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	PA giao đất bổ sung năm 2021; Chuyển tiếp từ năm 2023,2024
160	Bố trí tái định cư tại thôn Hà Bình, xã Bình Minh (phục vụ GPMB dự án Xây dựng đường dẫn cầu Cửa Đại)	0,02		0,02																								0,02		Bình Minh	- Trường hợp ông Nguyễn Văn Lộc - Thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11	UBND huyện Thăng Bình	Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Công trình cầu Cửa Đại, tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
161	Bố trí tái định cư xen kẽ trong khu dân cư cho hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E đoạn Km15+270 - Km89+700, tỉnh Quảng Nam	0,02		0,02																								0,02		Bình Định Bắc	Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 34 (Trường hợp bà Nguyễn Thị Hồng)	BQL dự án 4 - Tổng cục đường bộ VN	Quyết định số 1531/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E đoạn Km15+270 – Km89+700, tỉnh Quảng Nam				Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
162	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Bình Quý (giao đất cho hộ gia đình cá nhân)	0,04		0,04																								0,04		Bình Quý			Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình	Hộ gia đình, cá nhân			phương án giao đất năm 2022 nhưng chưa được phê duyệt; chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
163	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Bình Triều (giao đất cho hộ gia đình cá nhân)	0,19		0,19																								0,19		Bình Triều			Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình	Hộ gia đình, cá nhân			phương án giao đất năm 2022 nhưng chưa được phê duyệt; chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
164	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Bình Định Nam (giao đất cho hộ gia đình cá nhân)	0,06		0,06				0,04																				0,02		Bình Định Nam			Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình	Hộ gia đình, cá nhân			phương án giao đất năm 2022 nhưng chưa được phê duyệt; chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
165	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Bình Trị (giao đất cho hộ gia đình cá nhân)	0,16		0,16																								0,16		Bình Trị			Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình	Hộ gia đình, cá nhân			phương án giao đất năm 2022 nhưng chưa được phê duyệt; chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
166	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Bình Phục (giao đất cho hộ gia đình cá nhân)	1,70		1,70																								1,70		Bình Phục			Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình	Hộ gia đình, cá nhân			phương án giao đất năm 2022 nhưng chưa được phê duyệt; chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
167	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Bình Chánh (giao đất cho hộ gia đình cá nhân)	0,47		0,47																								0,47		Bình Chánh			Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Thăng Bình	Hộ gia đình, cá nhân			PA giao đất bổ sung năm 2021; Chuyển tiếp từ năm 2023,2024
168	Giao đất ở	0,32		0,32																								0,32		Bình Chánh	Phụ lục kèm theo						Chuyển tiếp từ năm 2024
169	Giao đất ở	0,07		0,07																								0,07		Bình Giang	Phụ lục kèm theo						Chuyển tiếp từ năm 2024
170	Giao đất ở	0,19		0,19																								0,19		Bình Phú	Phụ lục kèm theo						Chuyển tiếp từ năm 2024
171	Giao đất ở	0,20		0,20																								0,20		Bình Phục	Phụ lục kèm theo						Chuyển tiếp từ năm 2024
172	Giao đất ở	0,26		0,26			0,05	0,06															**0,01**			**0,02**		0,12		Bình Trung				Hộ gia đình, cá nhân			phương án giao đất năm 2022 nhưng chưa được phê duyệt; chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
ODT	**Đất ở đô thị**	**0,78**		**0,78**				**0,01**												**0,05**								**0,72**									
173	Bố trí tái định cư tại khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường từ Thái Phiên - QL14E, theo diện tích được giao đất	0,77		0,77				0,01												0,05								0,71		Thị trấn Hà Lam			Qđ giao đất QĐ 2167/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam				Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
174	Giao đất cho hộ bà Nguyễn Thị Lựu khu phố 5 thị trấn Hà Lam	0,01		0,01																								0,01		Thị trấn Hà Lam	Tờ bản đồ số: 37		Thông báo số 80/TB-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Thăng Bình.				Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
SKC	**Đất cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài cụm công**	**0,70**		**0,70**														**0,70**																		

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	nghiệp																																				
175	Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, trang trí nội thất công ty Đỗ Hoàng	0,70		0,70														0,70												Bình Trung		Công ty TNHH MTV Đỗ Hoàng	TB 07/TB-BQLCCN ngày 12/7/2010 của BQL Cụm công nghiệp huyện Thăng Bình vv thỏa thuận địa điểm xây dựng nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, trang tí nội thất tại cụm công nghiệp Kế Xuyên - Quán Gò	Công ty TNHH MTV Đỗ Hoàng			Cho thuê đất theo hiện trạng, chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
NNP	**Đất nông nghiệp**	**2,10**	**2,10**																																		
176	Bồi thường bằng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án Trung tâm Văn hóa – Thể thao, Sân vận động; hạng mục: Sân vận động tại xã Bình Lãnh.	2,10	2,10																											Bình Lãnh	- Các thửa đất: 382b, 401, 580, 584a, 590, 483, 506, 802a, 801, 389, 1007, 1005, 812a, 881, 876, 877, 878, 932, 1019, 1020, 1050, 638, 610a, 746a, 584a thuộc tờ bản đồ địa chính số 06; - Các thửa đất: 257, 352, 353, 355, 356, 357, 358, 256, 255, 258, 259, 261, 265 thuộc tờ bản đồ địa chính số 12; - Các thửa đất: 144, 140, 141, 142, 143 thuộc tờ bản đồ địa chính số 11.	UBND xã Bình Lãnh	Văn bản 395/TNMD-ĐĐ ngày 12/8/2022 của phòng TNMT huyện Thăng Bình V/v phúc đáp Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 16/6/2022 của UBND xã Bình Lãnh	Vốn sự nghiệp kinh tế và UBND xã			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
2.3	**Các khu vực sử dụng đất khác**	**97,60**	**30,50**	**67,10**	**17,85**		**9,79**	**11,65**	**13,74**	**7,39**		**0,34**	**0,68**			**0,09**				**0,60**	**0,25**				**0,05**	**0,01**		**4,66**									
2.3.1	**Giao đất, cho thuê đất (đã thực hiện thu hồi đất)**	**86,43**	**28,81**	**57,62**	**16,65**		**7,82**	**11,65**	**13,74**	**5,94**		**0,06**	**0,68**			**0,09**				**0,60**	**0,25**				**0,05**	**0,01**		**0,08**									
LUC	**Đất chuyên trồng lúa nước**	**28,81**	**28,81**																																		
177	Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình thôn Vinh Xuân	28,81	28,81																											Bình Trung	Tờ bản đồ số 4B (734566-5), thửa số 1154-1163		Quyết định số: 2659/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam				Chuyển tiếp từ năm 2024
DGT	**Đất giao thông**	**4,65**		**4,65**	**1,80**		**0,60**	**1,52**					**0,68**								**0,05**																
178	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp mở rộng đường Thái Phiên	0,05		0,05																	0,05									Thị trấn Hà Lam		UBND huyện Thăng Bình	QĐ 382/QĐ-UBND 8/3/2016 của UBND huyện Thăng Bình vv phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường	Ngân sách huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																Thái Phiên; hạng mục: nền, mặt đường và công trình trên tuyến; QĐ 3799/QĐ-UBND 20/12/2019 của UBND huyện Thăng Bình vv giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; CV 11/HĐND -VP ngày 17/2/2020 của thường trực HĐND huyện							
179	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp mở rộng đường Thái Phiên	0,70		0,70				0,20					0,50																	Thị trấn Hà Lam		UBND huyện Thăng Bình	QĐ 382/QĐ-UBND 8/3/2016 của UBND huyện Thăng Bình vv phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Thái Phiên; hạng mục: nền, mặt đường và công trình trên tuyến; QĐ 3799/QĐ-UBND 20/12/2019 của UBND huyện Thăng Bình vv giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; CV 11/HĐND -VP ngày 17/2/2020 của thường trực HĐND huyện	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
180	Đường từ trường Thái Phiên đi Quốc lộ 14E	0,12		0,12				0,12																						Thị trấn Hà Lam		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 3125/QĐ-UBND tỉnh 30/9/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường từ trường THPT Thái Phiên đến Quốc lộ 14E	NS tỉnh,	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
181	Mở rộng đường Nguyễn Thuật (đoạn từ đường Tiểu La đến Trần Phú)	0,98		0,98	0,10		0,60	0,10					0,18																	Thị trấn Hà Lam		UBND huyện Thăng Bình	QĐ số 2954/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 UBND huyện Thăng Bình	Ngân sách huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
182	Đường cứu hộ vùng trung	2,80		2,80	1,70			1,10																						Bình Phục; TT Hà Lam; Bình Quý		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 1974/QĐ-UBND 28/10/2016 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; QĐ	Ngân sách huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 37 ngày	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																2556/QĐ-UBND 17/10/2017 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			17/12/2019	
TSC	**Đất trụ sở cơ quan**	**0,37**		**0,37**	**0,37**																															
183	Trụ sở Kho Bạc huyện	0,08		0,08	0,08																								Thị trấn Hà Lam		Kho bạc tỉnh	QĐ số 2360/QĐ-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài Chính		NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
184	Trụ sở làm việc chi cục thuế Thăng Bình	0,29		0,29	0,29																								Thị trấn Hà Lam		Chi cục thuế	QĐ 2355a/QĐ-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2016-2020 của Tổng cục Thuế		NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
DGD	**Đất giáo dục**	**1,09**		**1,09**					**1,00**							**0,09**																				
185	Trường TH Hoàng Văn Thụ	1,00		1,00					1,00																				Bình Nam	Thửa số 1099, 1101, 1132, 1156, 1158, 1159 tờ 16	Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 2821/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND Huyện Thăng Bình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
186	Thu hồi đất trường mẫu giáo Bình Minh giao cho trường TH Nguyễn Văn Cừ	0,09		0,09												0,09													Bình Minh	Tờ bản đồ số 10		Tờ trình 210/TTr-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Bình Minh vv Về việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất				Chuyển tiếp từ năm 2024
SKN	**Đất cụm công nghiệp**	**5,55**		**5,55**			**1,93**			**3,62**																										
187	Cụm công nghiệp Bình An: quỹ đất thu hút đầu tư + Nhà máy sản xuất, gia công may lều, dụng cụ cắm trại, đồ chơi, túi xách và các sản phẩm dệt may khác của Công ty TNHH Sedo Camping + Nhà máy chế biến,	3,62		3,62						3,62																			Bình Định Bắc		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Nghị quyết số 41/NQ-HDND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Thăng Bình thông qua đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương	Ngân sách huyện	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	đóng gói và bảo quản giống nông nghiệp của Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Đồng Tâm																															đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022, Phụ lục 63				
188	Dự phòng thu hút đầu tư (thuộc Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được): - San nền Lô, F/F1: 2,40 ha - San nền Lô, B/B5: 3,50 ha (Nhà máy gia công Nhôm định hình Yng Hua (1,01ha) - công ty TNHH ASEAN Quảng Nam; Nhà máy in ấn Công ty TNHH Wei Xern Sin Industrial Đà Nẵng 1,79 ha) - Lô A/A1: 1,55 ha - Dự phòng thu hút đầu tư: 3,56 ha	0,80		0,80			0,80																						CCN HL-CĐ (Bình Phục)	Lô B/B5, B/B6, F/F1	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	- Nghị quyết số 39/NQ-HDND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022; văn bản số 1285/UBND-TTPTQĐ&CN-DV ngày 18/7/2022 vv UBND huyện Thăng Bình thống nhất nguyên tắc về địa điểm dự kiến cho phép công ty TNHH ASEAN Quảng Nam nghiên cứu thực hiện đầu tư dự án Nhà máy gia công nhôm định hình Yng Hua; Văn bản số 1680/UBND-TTPTQĐ&CN-DV ngày 16/9/2022 vv UBND huyện Thăng Bình thống nhất nguyên tắc về địa điểm dự kiến cho phép công ty TNHH Wei Xern Sin Industrial Đà Nẵng nghiên cứu thực hiện đầu tư dự án Nhà máy in ấn- Công văn 1642/UBND-TTPTQĐ và CN-DV ngày 27/10/2021; Công văn số 680/UBND-TTPTQĐ và CN-DV ngày 20/4/2022	Ngân sách huyện	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
189	Nhà máy gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí gia dụng, nội thất Hà Lam	1,13		1,13			1,13																						CCN HL-CĐ (Bình Triều)	Lô A/A2	Công ty TNHH M.IRON	QĐ số 3898/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư	Công ty TNHH M.IRON	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS									
	CCN HL-CĐ (Bình Phục)																																				
ODT	**Đất ở đô thị**	**10,30**		**10,30**	**10,06**		**0,03**	**0,10**												**0,07**	**0,03**							**0,01**									
190	Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Hà Lam (giai đoạn 1)	8,60		8,60	8,50			0,10																						Thị trấn Hà Lam		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	QĐ 19/QĐ-UBND 25/10/2019 của HĐND huyện vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 20 ngày 3/10/2019	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
191	Khu chỉnh trang đô thị tổ 4	0,76		0,76	0,76																									Thị trấn Hà Lam		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	NQ 16/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Thăng Bình; Quyết định số 12/QĐ-HĐND ngày 10/10/2019 của HĐND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
192	Bố trí tái định cư tại khu dân cư tổ 8 thị trấn Hà Lam, theo diện tích được giao đất	0,94		0,94	0,80		0,03													0,07	0,03							0,01		Thị trấn Hà Lam		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 504/QĐ-UBND 25/02/2019 của UBND tỉnh vv giao đất cho TTPTQĐ huyện Thăng Bình để thực hiện dự án	Ngân sách huyện	NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
ONT	**Đất ở nông thôn**	**25,81**		**25,81**	**4,42**		**5,26**	**10,03**	**2,89**	**2,32**		**0,06**								**0,53**	**0,17**				**0,05**	**0,01**		**0,07**									
193	Khu tái định cư Bình Đào (giai đoạn 3)	0,32		0,32	0,17															0,13						**0,01**		0,01		Bình Đào		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện Thăng Bình về phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Khu TĐC Bình Đào (giai đoạn 3)	NS tỉnh,	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
194	Giao đất trong khu dân cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Đường nối từ đường CHCN đến Quốc lộ 1A (Bố trí TĐC xen kẽ trong khu dân cư cho các hộ bị ảnh hưởng dự án Đường nối từ đường CHCN đến Quốc lộ 1A)	0,03		0,03																								0,03		Bình Đào			Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 22/2/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ 1A (tại ngã ba cây cốc), huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện	NQ 53/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
195	Khu dân cư nông thôn mới từ nhà ông Phụng đi Tú Ngọc A	1,95		1,95	1,65															0,16	0,09				0,05					Bình Tú		Trung tâm phát triển quỹ đất và công	Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Thăng	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023;	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																															nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Bình về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư tổ 7 thôn Tú Ngọc A, Bình Tú			NQ 73 ngày 8/12/2020	
196	Khu dân cư nông thôn mới phía Đông chợ Hà Châu, Bình Phú (giai đoạn 1)	2,41		2,41	2,10		0,02	0,01				0,05								0,20	0,01							0,02		Bình Phú		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ số 13 ngày 11/10/2019 HĐND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư; QĐ 14/QĐ-HĐND 14/10/2019 của HĐND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 37 ngày 17/12/2019	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2023, 2024
197	Khu dân cư nông thôn mới tại tổ 15, thôn 3	0,50		0,50	0,50																									Bình Triều		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 15/QĐ-HĐND ngày 11/10/2019 của HĐND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư; NQ số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND huyện V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2018-2020	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
198	Khu dân cư nông thôn mới tổ 3, 4, thôn Quý Thạnh	0,60		0,60			0,47					0,01								0,04	0,07							0,01		Bình Quý		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ số 2746/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện về phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ Thuật Công trình đầu tư; NQ số 05/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND huyện V/v phê duyệt kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2018-2020	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
199	Khu dân cư trung tâm xã Bình Dương (Giai đoạn 2)	20,00		20,00			4,77	10,02	2,89	2,32																				Bình Dương	Tờ bản đồ 19, 25	UBND huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021 của HĐND huyện Thăng Bình về bổ sung danh mục đầu tư công năm 2021 và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021 (Phụ lục số 07)	Ngân sách tỉnh	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020; NQ 53 ngày 22/7/2021	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 13/NQ-HĐND ngày 5/5/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024. Đã được thông qua tại NQ 13/NQ-HĐND ngày 5/5/2023 (2,61 ha); NQ 73 ngày 8/12/2020 (1,89 ha). Nay đăng ký lại 1,89 ha để tiếp tục thực hiện dự án
NTD	**Đất nghĩa trang, nghĩa địa**	**9,85**		**9,85**					**9,85**																											

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
200	Khu nghĩa trang nhân dân Nam Thăng Bình (giai đoạn 1)	9,85		9,85					9,85																					Bình Sa; Bình Trung		Ban Quản lý dự án - Đô thị huyện Thăng Bình	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/03/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 104/QĐ-KTM ngày 03/6/2020 của Ban Quản lý các KKT&KCN tỉnh phê duyệt QH chi tiết XD (tỷ lệ 1/500); Thông báo số 547/TBUBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh kết luận của PCT UBND tỉnh Nguyễn Hồng Quang tại buổi kiểm tra thực tế tình hình BT, GPMB dự án Liên kết vùng miền Trung; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 (Sử dụng 6,38 ha đất rừng phòng hộ trong chỉ tiêu CMĐ sử dụng đất còn lại; 0,86 ha đất rừng phòng hộ ngoài chỉ tiêu CMĐ sử dụng đất còn lại của kỳ ĐC QHSD đến năm 2020)		NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 02/NQ-HĐND ngày 21/3/2023; NQ 15/NQ-HĐND BS 2022 ngày 21/4/2022	Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
2.3.2	**Công trình cấp GCN QSD đất theo hiện trạng**	**3,66**	**1,23**	**2,43**			**1,87**																					**0,56**								
201	Trường Tiểu học Đoàn Bường	0,40		0,40																								0,40		Bình Triều	Thửa 192 tờ 31		giao đất theo hiện trạng	Ngân sách địa phương			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
202	Mở rộng trường mẫu giáo Bình Lãnh (giao đất theo hiện trạng)	0,20	0,20																											Bình Lãnh	Thửa 1290 tờ bản đồ số 6		Tờ trình 38/TTr-TNMT ngày 15/1/2019 của phòng TNMT Thăng Bình đề nghị cấp GCNQSDĐ				Chuyển tiếp từ năm 2024
203	Trung tâm y tế huyện Thăng Bình	1,87		1,87			1,87																							Thị trấn Hà Lam	Thửa 349, tờ bản đồ 28		giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
204	Giao đất cho Trạm y tế xã Bình Phục	0,16		0,16																								0,16		Bình Phục	Thửa số 109, tờ 49		giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ 2022, 2023, 2024
205	Bưu điện văn hoá xã	0,07	0,07																											Bình Phục	Thửa số 42, tờ 48		giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ năm 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
	Bình Phục (giao đất theo hiện trạng)																																			
206	Chùa Giác Nguyên (giao đất theo hiện trạng)	0,01	0,01																											Thị trấn Hà Lam	Thửa 516, tờ bản đồ số 29		giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024
207	Thánh xá Tây Mỹ (giao đất theo hiện trạng)	0,14	0,14																											Bình An	Tờ bản đồ số 11 thửa đất số 194	Tổ chức tôn giáo	giao đất theo hiện trạng	Tôn giáo			Chuyển tiếp từ năm 2024
208	Chùa Bình Hải (giao đất theo hiện trạng)	0,18	0,18																											Bình Hải	Thửa 49 tờ 16		giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ năm 2024
209	Giao đất theo hiện trạng Thánh xá La Nga	0,06	0,06																											Bình Lãnh	Thửa 619 tờ bản đồ số 19		giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ năm 2024
210	Thánh xá Thái Đông (giao đất theo hiện trạng)	0,07	0,07																											Bình Nam			giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ năm 2024
211	Thánh xá Tịch An (giao đất theo hiện trạng)	0,23	0,23																											Bình Nam			giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ năm 2024
212	Nhà thờ Công giáo Phước Ấm (giao đất theo hiện trạng)	0,27	0,27																											Bình Triều	Thửa 52 tờ 08		giao đất theo hiện trạng				Chuyển tiếp từ năm 2024
2.3.2	**Đấu giá đất và tái định cư**	**7,51**	**0,46**	**7,05**	**1,20**		**0,10**			**1,45**		**0,28**																**4,02**								
213	Đấu giá quyền sử dụng đất tại dự án Khu dân cư nông thôn mới tại thôn An Mỹ, xã Bình An	0,28		0,28								0,28																		Bình An		Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v thu hồi đất, giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thăng Bình để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn An Mỹ, xã Bình An, huyện Thăng Bình				Đăng ký mới 2025
214	Khu dân cư ven biển Bình Dương (bố trí TĐC cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án Đường trục chính từ cầu Bình Dương đến đường ven biển 129)	1,55		1,55			0,10			1,45																				Bình Dương	tờ bản đồ 24 (NĐ 64)	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 1043/QĐ-UBND ngày 9/5/2022 của UBND huyện Thăng Bình phê duyệt điều chỉnh báo cáo KTKT công trình Khu dân cư ven biển Bình Dương (giai đoạn 1) Hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước, tổ chức	Vốn UBND huyện +TTPTQĐ và CNDV	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53 ngày 22/7/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS								
																																giao thông, cây xanh, cấp điện và điện chiếu sáng; Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện Thăng Bình về phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư ven biển Bình Dương (giai đoạn 1)						
215	Khu dân cư nông thôn mới tại trung tâm đào tạo nghề Miền Trung xã Bình Nguyên	4,00		4,00																								4,00		Bình Nguyên	Thửa 670 tờ 14	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 2452/QĐ-UBND 13/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v thu hồi đất, giao đất cho TT PTQĐ huyện Thăng Bình; Quyết định số: 2783/QĐ-UBND Ngày 09/12/2020 của UBND huyện phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
216	KDC NTM tổ 1, Kế Xuyên 2, Bình Trung (Nhà đội thuế Bình Trung)	0,02		0,02																								0,02		Bình Trung	Thửa số 806/2 tờ bản đồ số 09	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 2982/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh chuyển giao huyện	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
217	KDC NTM tổ 1, Kế Xuyên 2, Bình Trung (GĐ 2)	1,20		1,20	1,20																									Bình Trung	theo tọa độ bản vẽ thiết kế	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 1353/QĐ-UBND 15/7/2020 của UBND Huyện thống nhất danh mục đầu tư và giao nhiệm vụ lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2021, NQ số 15/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Thăng Bình về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021; Qđ giao đất QĐ 57/UBND tỉnh ngày 7/1/2022	Vốn KTQĐ trong DA + BQLDAĐT và đô thị	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2021, 2022, 2023, 2024
218	Đấu giá QSD đất tại dự án KDC nông thôn mới tổ 1, thôn Nghĩa Hòa, xã Bình Nam	0,46	0,46																											Bình Nam	Tờ bản đồ số 15, thửa 381	Trung tâm phát triển quỹ đất và công nghiệp - dịch vụ Thăng Bình	QĐ 1919/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất và	Vốn KTQĐ trong DA +TTPTQĐ và CNDV			Chuyển tiếp từ năm 2023, 2024

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2025 (ha)	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tăng thêm																								Địa điểm	Trích lục	Chủ đầu tư/ Đại diện CĐT	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích dự án (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)																														
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	DGD	DTT	SKC	SKS	DGT	DTL	DCH	DKV	TIN	NTD	MNC	PNK	BCS	NCS							
																															Công nghiệp – Dịch vụ huyện Thăng Bình để thực hiện dự án khai thác quỹ đất xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại tổ 1, thôn Nghĩa Hòa, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình				

Biểu 11/CH

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN THĂNG BÌNH

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2024	Chu chuyển đất đai trong năm 2025																																											Cộng giảm	Diện tích cuối kỳ năm 2025
				NNP	LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RDD	RSX	RSN	NTS	NKH	PNN	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	*TMD*	*SKC*	*SKS*	CCC	*DGT*	*DTL*	*DCT*	*DDD*	*DRA*	*DNL*	*DBV*	*DCH*	*DKV*	TON	TIN	NTD	SON	MNC	PNK	**CSD**	CGT	BCS	DCS	NCS	MCS		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(2)*	*(3)*	*(2)*	*(3)*	*(10)*	*(11)*	*...*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(36)*	*(37)*	*(38)*	*(39)*	*(40)*	*(41)*	*(42)*	*(43)*	*(44)*	*(45)*	*(46)*	*(47)*	*(48)*	*(49)*	*(49)*	*(51)*	*(52)*	*...*	*(53)*	*...*	*(54)*	*...*	*(66)*	*(67)*
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**41.224,56**																																													**41.224,56**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**28.724,00**	**28.213,18**												**508,78**	**44,53**	**16,80**	**0,48**	**11,06**	**0,33**	**141,29**		**5,00**	**133,25**	**125,67**	**2,58**				**0,70**		**0,80**	**3,50**	**0,26**		**10,88**										**510,82**	**28.216,90**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	10.171,61	1,95	10.053,33											116,33	14,53	16,09	0,48		0,18	47,33			31,06	27,73	2,15				0,45		0,73														118,28	10.057,05
-	*Đất chuyên trồng lúa*	*LUC*	*8.590,16*	*1,92*		*8.519,45*										*68,79*	*14,31*	*16,09*	*0,48*		*0,18*	*0,71*			*30,58*	*27,25*	*2,15*				*0,45*		*0,73*														*70,71*	*8.523,17*
-	*Đất trồng lúa còn lại*	*LUK*	*1.581,45*	*0,03*			*1.533,88*									*47,54*	*0,22*					*46,62*			*0,48*	*0,48*																					*47,57*	*1.533,88*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.529,09	0,07				5.331,02								198,00	10,28	0,03		0,21	0,15	76,46			30,53	26,81					0,22			3,50	0,26		0,30										198,07	*5.331,02*
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.564,23	0,02					5.519,25							44,96	10,73	0,68		0,15		5,55			18,08	17,98					0,03		0,07														44,98	*5.519,25*
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	3.683,89							3.640,64						43,25	4,50					0,72			16,61	16,61											10,58										43,25	*3.640,64*
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																																														
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.180,78									3.107,02				73,76	4,45			10,70		11,15		5,00	4,71	4,28	0,43																			73,76	*3.107,02*
1.7	*Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên*	*RSN*	*126,80*										*126,80*																																			*126,80*
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	536,17											503,69		32,48	0,04					0,08			32,26	32,26																					32,48	*503,69*
1.11	Đất nông nghiệp khác	NKH	58,23												58,23																																	*58,23*
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**11.185,90**	**1,67**												**10.857,85**	**3,77**	**0,47**		**0,20**	**1,27**	**71,04**			**204,26**	**203,36**	**0,27**					**0,06**		**0,57**			**0,02**		**366,01**								**328,05**	**11.756,19**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.127,85													65,02	3.062,42			0,03		47,87			16,95	16,95																					65,43	3.123,27
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	195,01													3,51		191,48							3,39	3,39																					3,53	209,55
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,93													0,55	0,02	0,01	17,38	0,05	0,45																										0,55	17,86
2.4	Đất quốc phòng	CQP	397,41													0,57				396,84					0,57	0,57																					0,57	408,20
2.5	Đất an ninh	CAN	42,98																		42,98																											45,12
-	*Đất thương mại, dịch vụ*	*TMD*	*107,23*																			*107,23*																										324,99
-	*Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*	*SKC*	*122,69*													*2,02*					*0,15*	*1,67*	*119,97*		*0,03*	*0,03*																					*2,72*	120,67
-	*Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*	*SKS*	*63,68*																					*60,65*																								*3,03*	72,99
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.314,26	1,64	1,64	1,64										34,13	1,62	0,31			0,06	9,89			3.261,74	2,01								0,16			0,02										52,52	3.620,90
-	*Đất công trình giao thông*	*DGT*	*2.327,57*	*1,18*	*1,18*	*1,18*										*25,95*	*1,23*	*0,23*				*8,31*				*2.283,69*											*0,02*										*43,88*	2.633,78
-	*Đất công trình thủy lợi*	*DTL*	*810,16*	*0,46*	*0,46*	*0,46*										*7,28*	*0,38*	*0,08*				*0,91*			*2,01*	*2,01*	*802,42*																				*7,74*	805,32
-	*Đất công trình cấp nước, thoát nước*	*DCT*																																														0,20
-	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên*	*DDD*	*39,73*																										*39,73*																			39,73
-	*Đất công trình xử lý chất thải*	*DRA*	*3,44*																											*3,44*																			3,46
-	*Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng*	*DNL*	*4,32*																												*4,32*																		5,14
-	*Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin*	*DBV*	*1,51*																													*1,51*																1,57
-	*Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối*	*DCH*	*6,63*													*0,75*						*0,59*			*0,16*								*5,88*	*0,16*													*0,75*	6,88
-	*Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng*	*DKV*	*120,90*													*0,15*	*0,01*				*0,06*	*0,08*												*120,75*													*0,15*	124,82
2.9	Đất tôn giáo	TON	14,20													14,20																			14,20													14,46
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	56,16													56,16						0,31			0,01	0,01										55,84											0,32	55,84
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	1.990,11	0,01	0,01	0,01										1.990,10	0,86	0,04			0,20	8,32			5,67	5,61						0,06					1.971,89										18,22	1.983,37
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.053,15	0,02	0,02	0,02										1.053,13	0,01					1,33			174,51	174,51												877,28									175,87	877,28
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	366,63													366,63	0,09			0,02	0,02	0,10			0,28	0,28													366,01								0,62	366,01
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,43													4,43									0,27		0,27												4,16								0,27	4,16
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**1.314,66**	**0,01**	**0,01**	**0,01**										**63,18**	**12,14**	**0,78**		**0,10**	**0,54**	**5,43**		**4,31**	**4,90**	**4,31**	**0,05**	**0,20**		**0,02**	**0,12**		**0,20**				**0,58**				**1.251,47**							**63,19**	**1.251,47**
	Cộng tăng			**3,72**	**3,72**	**3,72**										**898,34**	**60,85**	**18,07**	**0,48**	**11,36**	**2,14**	**217,76**	**0,70**	**12,34**	**359,16**	**350,09**	**2,90**	**0,20**		**0,02**	**0,82**	**0,06**	**1,00**	**4,07**	**0,26**		**11,48**										**902,06**	
	Diện tích cuối kỳ năm 2025			**18.163,57**	**3,72**	**8.523,17**	**1.533,88**	**5.331,02**	**5.519,25**	**3.640,64**		**3.107,02**	**126,80**	**503,69**	**58,23**	**11.741,73**	**3.123,27**	**209,55**	**17,86**	**408,20**	**45,12**	**324,99**	**120,67**	**72,99**	**3.620,90**	**2.633,78**	**805,32**	**0,20**	**39,73**	**3,46**	**5,14**	**1,57**	**6,88**	**124,82**	**14,46**	**55,84**	**1.983,37**	**877,28**	**366,01**	**4,16**	**1.251,47**		**1.251,44**		**0,03**				**41.224,56**